

Những chỉ báo mới về người già ở Hải Hưng

ĐỖ THỊNH- VŨ HOA THẠCH

Thông tin về người già ở cấp tỉnh là lĩnh vực chưa có mấy nghiên cứu. Khai thác kết quả Tổng điều tra dân số 1979-1989 và cuộc điều tra giữa năm 1992 trên mẫu hơn 10 vạn dân của 145 xã, phường, thị trấn thuộc cả 12 huyện, thị (3,5% số đơn vị cấp xã, 4% số dân), sơ bộ trình bày một số nét để tham khảo:

Số lượng và tỷ lệ người già trong dân cư

Trên thế giới đang nói nhiều đến sự già hóa của dân cư. Đó trước hết là sự gia tăng tỉ lệ người già trong dân số. Cả cộng đồng nhân loại, sau 40 năm từ 1950 đến 1990, tỉ lệ người già từ 8% tăng lên 9,2%, trung bình cứ 10 năm thêm 0,3%. Ở nước ta, tỉ lệ người già 1960 (miền Bắc) là 5,72% đến năm 1979 là 7,06% và năm 1989 là 7,15%. So sánh 1979 và 1960, độ gia tăng, 1,34%/ 29 năm hay 0,7% mỗi thập kỷ. Nhịp độ đó là khá cao. Song tiếp nối 1979-1989 thập kỷ này chỉ tăng thêm 0,09%. Có nhiều nguyên nhân chi phối. Tuy nhiên, nhìn chung vẫn là tăng, cùng xu hướng với cộng đồng quốc tế.

Tỉnh Hải Hưng, năm 1960 có tỉ lệ 5,63%, (riêng Hưng Yên 6,14%, Hải Dương 5,28%), thấp chút ít so với số trung bình miền Bắc. Năm 1979, tỉ lệ tăng lên 8,9%, cao hơn nhiều so với số trung bình cả nước. Giữa hai thời điểm Tổng điều tra dân số 1979-1989, tỉ lệ của cả nước tăng 0,09%, riêng Hải Hưng lại giảm 0,15%. Dân số chung toàn tỉnh tăng thêm 24,83%, trong khi người già chỉ tăng 22,68%. Cả hai hiện tượng: tỉ lệ người già của tỉnh cao hơn số trung bình toàn quốc, tỉ lệ của thời điểm 1989 so với 1979 không tăng mà lại giảm (8,81% so với 8,96%), đều đáng lưu ý nghiên cứu tìm tòi lời giải.

Điều tra chọn mẫu năm 1972, có đáp số tỉ lệ người già toàn tỉnh 9,45%, nông thôn 9,47%, thành thị 9,10%. Những con số này đều vượt xa năm 1989 và cả mức cao hơn của năm 1979. Do thực chất chuyển hóa dân cư hay bởi ảnh hưởng sai số mẫu, tương cũng nên tiếp tục tìm hiểu.

Nhóm "trẻ" của tuổi già

Khái niệm người già quy ước từ 60 tuổi trở lên. Trong đó, khoảng 10 tuổi đầu, từ 60 đến 69 tuổi, gọi là nhóm "trẻ" (young old). Thực chất đây là một giai đoạn chuyển tiếp quan trọng, mang nhiều ý nghĩa kinh tế xã hội sâu sắc.

Do nhiều nguyên nhân, tỉ lệ người già trong dân cư so sánh theo không gian và thời gian có nhiều khác biệt, song tỉ lệ nhóm "trẻ" của người già lại tương đối ít thay đổi. Tổng điều tra dân số năm 1989, tỉ lệ của cả nước là 60,7%, thành thị 61,4%, nông thôn 65,4%; riêng Hải Hưng lần lượt là 62,7%, 60,5%, 62,9%. So sánh cùng địa bàn tỉnh Hải Hưng năm 1989 và 1992, sự thay đổi không nhiều. Chi tiết các huyện trong Tổng điều tra dân số 1989, tỉ lệ người già trong dân cư biến động từ 6,26% (thị xã Hải Dương) đến 10,42% (huyện Ninh Thanh), tỉ lệ nhóm "trẻ" chỉ xê dịch từ 60,1% (thị xã Hưng Yên) đến 64,6% (huyện Nam Thanh). Hai cực của tỉ lệ thứ nhất lúc này chỉ còn là: thị xã Hải Dương 60,5%, huyện Ninh Thanh 63,3%. Đến điều tra mẫu năm 1992, do hạn chế của mẫu, khoảng cách sai khác tỉ lệ người già trong dân cư mở rộng hơn từ 5,26% (thị xã Hưng Yên) đến 10,60% (huyện Ninh Thanh), tỉ lệ nhóm "trẻ" cũng của hai đơn vị này thu lại chỉ là 56,3% và 60,9%, cao nhất mới là 65,3% (huyện Cẩm Bình).

Bảng 1: Tỷ lệ nhóm “trẻ” trong tổng số người già

Phạm vi tỉnh, huyện	%	
	Năm 1989	Năm 1992
Toàn tỉnh	62,7	62,2
Thành Thị	60,0	61,1
Nông thôn	62,9	62,4
Các huyện		
Thị xã Hải Dương	60,5	62,9
Thị xã Hưng Yên	60,1	56,3
Huyện Chí Linh	63,5	62,4
Huyện Nam Thanh	64,6	62,5
Huyện Kim Môn	63,4	63,0
Huyện Cẩm Bình	62,5	65,3
Huyện Tứ Lộc	63,9	60,0
Huyện Ninh Thanh	63,2	60,9
Huyện Mỹ Văn	61,1	61,6
Huyện Châu Giang	61,1	64,1
Huyện Kim Thi	61,1	62,8
Huyện Phù Tiên	62,1	61,7

Chưa có điều kiện tìm hiểu sâu hơn các nguyên nhân, tạm ghi nhận ý nghĩa sự việc: khoảng 60% người già thuộc nhóm "trẻ". Tỷ lệ này khá đồng đều ở các huyện, thị. Họ đang ở giai đoạn chuyển tiếp, còn nhiều khả năng làm việc, tham gia các sinh hoạt xã hội và tự phục vụ.

Người già tham gia hoạt động kinh tế

Chúng ta có số liệu người già tham gia hoạt động kinh tế từ kết quả Tổng điều tra dân số 1989. Tỷ lệ ở nông thôn cao hơn hẳn thành thị, các cụ ông hơn hẳn các cụ bà.

Bảng 2: Tỷ lệ người già hoạt động kinh tế

	%		
	Tổng số	Nam	Nữ
Toàn tỉnh	25,36	29,83	22,72
Thành thị	18,18	21,19	16,17
Nông thôn	25,60	30,13	22,93

Nên biết những hiện tượng kể trên cũng là tình trạng chung cả nước.

Tuy nhiên, lưu ý các tỷ lệ của Hải Hưng nói chung thấp hơn. (Cả nước, tỷ lệ tham gia hoạt động kinh tế của người già 28,46%, thành thị 18,86%, nông thôn 30,51%, nam 37,75%, nữ 21%. Riêng tỷ lệ chung của Hải Hưng

cao hơn do ảnh hưởng kết cấu tỉ trọng nữ nông thôn cao hơn).

Vì sao tuổi già ở nông thôn có tỉ lệ tham gia hoạt động kinh tế cao hơn ở thành thị? Nguyên nhân chính là nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp, và 94% hay tuyệt đại bộ phận người già hoạt động kinh tế thuộc ngành nông nghiệp. Lý do các cụ bà có tỉ lệ hoạt động kinh tế thấp nói chung phức tạp hơn: phần do sức khỏe tương đối kém hơn, phần ảnh hưởng kết cấu nhiều cụ bà cao tuổi hơn. Một nguyên nhân quan trọng khác do khá đông cụ bà lui về đỡ đần các ứng việc nội trợ. Cả nước, tỉ lệ người già làm nội trợ 13,54%, nam 6,09%, nữ 18,83% hay gấp hơn ba lần. Ở Hải Hưng, các tỉ lệ trên là 18,96%, 13,56% và 22,13%. Ai cũng biết công việc nội trợ không hẳn nhẹ nhàng, vậy trong nhiều trường hợp, lợi ích kinh tế rất đáng kể, chưa tính hiệu quả xã hội phục vụ cho các thành viên khác an tâm đi làm việc ở ngoài, giữ êm ấm gia đình. Ở Hải Hưng, tỉ lệ các cụ bà nội trợ gần ngang với tỉ lệ các cụ tham gia hoạt động kinh tế. Nếu coi nội trợ cũng là một công việc, (xứng đáng với những lợi ích thiết thực do hoạt động này mang lại), thì tỉ lệ có làm việc của người già Hải Hưng là 44,32%, không kém mà còn cao hơn chút ít số trung bình cả nước 42,0%, các cụ bà cũng không kém mà còn cao hơn các cụ ông: 44,85% so với 43,39%. Ta biết đây là tỉ lệ tính trên tổng số người già. Riêng nhóm "trẻ" 60-69 tuổi, đáng tiếc chưa có số liệu điều tra cụ thể, song ước lượng đại bộ phận các cụ còn làm việc đang ở quãng tuổi này, và như vậy, tỉ lệ làm việc của nhóm sẽ là 60-70%. Vấn đề rất nên được chú ý trong tổ chức, động viên người già tham gia lao động.

Học vấn

Với Tổng điều tra dân số 1989, chúng ta được biết chung người già Hải Hưng có 53,85% biết chữ, trong đó các cụ ông 83,29%, các cụ bà chỉ 36,54%. So với trung bình cả nước, các tỉ lệ tương ứng là 54,51%; 77,47%; 38,20%, tỉ lệ chung của Hải Hưng thấp hơn, riêng các cụ ông đạt chỉ số cao hơn. So sánh hai giới, nêu trong cả nước, tỉ lệ cụ ông biết chữ gấp 2,03 lần các cụ bà, thì ở Hải Hưng, khoảng cách mở rộng thành 2,28 lần.

Năm 1992, điều tra mẫu ghi nhận tỷ lệ biết chữ chung của người già Hải Hưng tăng lên 69,24%, nam 89,4%, nữ 55,96%. Nếu mẫu đủ tính đại diện, thì trước đó là một bước tiến đáng kể, (do kết quả dịch chuyển, lớp kế tiếp vào tuổi già có học vấn cao hơn thay thế số các cụ cao tuổi tạ thế). Hơn nữa, điều tra mẫu giúp quan sát chi tiết các nhóm tuổi. Tỉ lệ biết chữ nói chung và riêng mỗi cấp học vấn, xu hướng giảm rõ rệt theo mỗi nhóm tuổi. Dễ nhận ra lớp tuổi càng cao tương ứng với những hoàn cảnh lịch sử trong đó nhiều người không có điều kiện học hành. Đáng kể ở nhóm "trẻ", cứ 10 người có 8 người biết chữ, trong đó 2 người học vấn cấp III và cao hơn. Khả năng này cần được lưu ý khai thác trong những chương trình hoạt động thích hợp.

Ngược lại, số chưa biết chữ, còn 30%, từ 0 tuổi trở lên gần 50%. Chương trình quốc gia xóa mù chữ đang thực hiện không tính các đối tượng này. Vậy có cách nào để người già mù chữ hòa nhập với những yêu cầu của lao động và sinh hoạt văn hóa mới, thiết nghĩ cần nghiên cứu giải pháp hữu hiệu.

Cũng nên để ý tình hình các vùng, các huyện. Giữa thành thị và nông thôn, số trung bình cả nước chênh lệch 67,61% và 51,77%, thì ở Hải Hưng, tỷ lệ biết chữ của người già hai vùng khá gần nhau: 55,67% và 53,33%. Giữa các huyện, chỉ số cao nhất thuộc hai thị xã, thứ đến bốn huyện Kim Thi, Ninh Thanh, Phù Tiên, Nam Thanh có tỉ lệ sát gần nhau. Cẩm Bình với danh chí Mộ Trạch- làng tiến sĩ, tỉ lệ biết chữ của người già chung toàn huyện lại đứng mức thấp.

Bảng 3: Tỷ lệ biết chữ, chia các bậc học vắn của người già Hải Hưng theo nhóm tuổi.

%

Nhóm tuổi	Tỉ lệ biết chữ	Chia các cấp học			
		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cao hơn
60-64	84,23	67,01	14,11	2,11	1,00
65-69	72,39	60,65	9,97	1,15	0,62
70-74	60,36	53,42	6,00	0,68	0,26
75-79	47,43	43,22	4,55	0,22	0,44
80-84	41,50	37,20	3,5	0,32	0,48
85+	34,87	28,74	4,21	0,77	1,15
Chung 60+	69,24	57,60	9,69	1,27	0,68
60-69	79,53	64,48	12,47	1,73	0,85
70+	52,22	46,21	5,10	0,51	0,40

Tình trạng hôn nhân

Lần đầu tiên chúng ta được biết bức tranh toàn cảnh tình trạng hôn nhân của người già (Tổng điều tra dân số 1989). Trên hai chỉ tiêu, chiếm tỉ trọng lớn nhất "Đang sống vợ chồng" và "Góa bụa", so sánh Hải Hưng với số trung bình cả nước, lưu ý mấy đặc điểm: chung cả hai giới, tỉ lệ người già đang còn mái ấm chiều hôm (có vợ chồng), Hải Hưng thấp hơn cả nước; nông thôn chẵn đơng gđi chiếc (góa bụa), Hải Hưng cao hơn, cả nông thôn và thành thị. Phân tích môi giới, các cụ ông Hải Hưng có phần thuận lợi hơn: tỉ lệ có vợ chồng cao, góa bụa thấp. Gánh thua thiệt dân chủ yếu sang phía các cụ bà, đặc biệt ở nông thôn: tỉ lệ còn mái ấm ít hơn, chẵn đơng gđi chiếc nhiều hơn. Khoảng cách giữa hai giới, (do nhiều nguyên nhân mà ở đây chưa có điều kiện đề cập) nếu chung cả nước cứ 1,86 nam còn mái ấm mới có 1 nữ, ngược lại 1 nam góa bụa ứng với 3,56 nữ chung cảnh ngộ, thì ở nông thôn Hai Hưng các chỉ số đó là 1,95 và 3,97, nghĩa là chênh lệch càng lớn hơn.

Bảng 4: Các chỉ tiêu “Đang sống vợ chồng” và “Góa bụa” của Hải Hưng, so sánh với cả nước.

%

Các phạm vi quan sát	Hải Hưng		Cả nước	
	Đang sống vợ chồng	Góa bụa	Đang sống vợ chồng	Góa bụa
Tổng số	59,17	39,54	61,05	36,87
Nam	85,31	13,77	83,66	14,76
Nữ	43,78	54,71	44,96	52,61
Thành thị	60,75	37,01	59,41	36,96
Nam	86,36	12,71	84,23	13,30
Nữ	44,24	52,77	41,71	53,83
Nông thôn	59,11	39,62	61,38	36,89
Nam	85,27	13,81	83,52	15,09
Nữ	43,76	54,78	45,65	52,36

Điều tra theo mẫu năm 1992 cho biết những con số đôi chút khá hơn: Tỷ lệ đang còn mái ấm hai giới tăng lên 60,12%, cao hơn chút ít so với năm 1989, song vẫn còn thấp hơn số trung bình cả nước. Tỷ lệ góa bụa 34,77% giảm đầu cả nông thôn (34,9%) và thành thị (29,84%). Đáng lưu ý hơn là dãy số liệu chi tiết các nhóm tuổi. Hoàn cảnh còn mái ấm, cứ 100 cụ ông tuổi 60-64 có 91 cụ, thêm 20 tuổi nữa, nhóm 80-84 chỉ còn 61 cụ, và từ 85 trở lên chỉ còn 12 cụ, và trên nữa là 6 cụ. Ngược lại cánh chẵn đơn góa chiếc của các cụ ông đã từ 6% nhóm đầu tuổi già tăng đến 53% khi tuổi 85+, với các cụ bà tương ứng là 30% và 82%. Dễ dàng nhận ra nữ thua thiệt hơn nam không chỉ trên tổng số mà ngay chi tiết từng nhóm tuổi. Tùy phạm vi nghiên cứu, có thể rất hữu ích khi quan sát chi tiết các vùng thành thị, nông thôn, các huyện, thị xã.

Bảng 5: Các chỉ tiêu “Đang sống vợ chồng” và “Góa bụa” chi tiết các nhóm tuổi (điều tra theo mẫu 1992).

	Tổng người già	Chi tiết các nhóm tuổi						%
		60-64	65-69	70-74	75-79	80-84	85+	
<i>Đang sống vợ chồng</i>								
Chung hai giới	60,12	76,60	65,74	50,70	33,67	26,87	14,94	
Nam	83,11	90,94	85,84	78,20	67,00	60,64	38,89	
Nữ	44,99	65,23	51,17	35,29	17,25	12,47	5,82	
<i>Góa bụa</i>								
Chung hai giới	34,77	19,20	30,49	42,98	60,44	64,71	73,95	
Nam	13,20	5,88	11,52	16,42	29,29	33,51	52,78	
Nữ	48,95	29,77	44,23	57,86	75,79	78,00	82,01	

Ngoài ra, một số chỉ tiêu khác tuy tỷ trọng nhỏ nhưng không phải không đáng lưu tâm. Trên mẫu toàn tỉnh Hải Hưng, tỷ lệ người già chưa hề qua hôn nhân là 3,28% (gấp ba lần số trung bình toàn quốc 1,12%). Theo dốc tuổi, nếu ở nhóm đầu 60-64 chỉ là 2,33%, thì sau đó đã tăng liên tục đến 8,05 trong nhóm tuổi 85+. Chung nam giới là 2,67% biến thiên từ 2,14% đến 6,94%. Giới nữ chung 3,96%, biến thiên từ 2,48% đến 8,47%. Chắc hẳn bởi nhiều cảnh ngộ, những ông cậu, bà cô theo cả nghĩa bóng và nghĩa đen này không chỉ thiệt thòi hạnh phúc tháng năm son trẻ, mà tuổi già càng hưu quạnh nặng nề hơn. Tỷ lệ ly hôn 0,44%, cũng là gấp đôi số trung bình cả nước- 0,22, riêng các cụ bà có tỷ lệ 0,62%, gấp 2,5 lần, (cả nước 0,26%). Tỷ lệ ly thân 1,39% nam 0,87% nữ 1,74% đều cao hơn so với cả nước (lần lượt là 0,66%, 0,53% và 0,75%). So sánh với ly hôn, ly thân nhiều hơn gấp ba lần. Mong ước người già sống lâu, mạnh khỏe, hạnh phúc, phải chăng đây là một lĩnh vực không kém hệ trọng cần được nghiên cứu sâu rộng hơn để tìm một giải pháp hữu hiệu.